| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H**<br>**TỈNH BẮC G** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2021
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Ngô Thanh Thuần

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Đức Lâm

2. Ông Lê Thanh Miện

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/7/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc*" Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**: anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984 ( Có mặt).
Cư trú: Thôn T Hưng, xã Mai T, huyện H, tỉnh Bắc G.
**- Bị đơn**: chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1981 ( Có mặt).
Cư trú: Thôn T Hưng, xã Mai T, huyện H, tỉnh Bắc G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2021, những lời khai trong quá trình G quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị G ngày 05/01/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Mai T, huyện H, tỉnh Bắc G. Sau khi kết hôn chị G về làm dâu và sống chung cùng anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống,vợ chồng có cãi nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị G.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 06/02/2007 và Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 29/10/2012. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị G. Vợ chồng ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con

chung, và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Anh có công việc làm tại công ty chăn nuôi và thu nhập ổn định 17.000.000 đồng/tháng. Trong thời gian con ở cùng chị G anh vẫn thường xuyên sang thăm con và chu cấp hàng tháng cho chị G nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án G quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án G quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày trong quá trình G quyết vụ án và tại phiên tòa:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q 05/01/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn UBND xã Mai T, huyện H, tỉnh Bắc G. Sau khi kết hôn, chị G về làm dâu và sống chung cùng anh Q ngay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2017 thì vợ chồng ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Q có đơn yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 06/02/2007 và Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 29/10/2012. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 5.000.000 đồng/02 con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, chị có công việc làm nhân viên kinh doanh công ty thuốc thú y và thu nhập ổn định 12.000.000 đồng/tháng. Chị thừa nhận trong thời gian con ở cùng chị anh Q vẫn thường xuyên sang thăm con nhưng không chu cấp tiền cho chị nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án G quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án G quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc G quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình G quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị G.

2, Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 29/10/2012 cho chị Nguyễn Thị G nuôi dưỡng và giao cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 06/02/2007

Về cấp dưỡng nuôi con các đương không yêu cầu nên không xem xét G quyết.

3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra G quyết.

4, Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra G quyết.

5, Về án phí: Anh Q phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về quan hệ tình cảm: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị G kết hôn ngày 05/01/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai T, huyện H, tỉnh Bắc G. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Q yêu cầu ly hôn, chị G đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Q, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị G theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 06/02/2007 và Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 29/10/2012. Vợ chồng ly hôn, cả anh Q và chị G đều yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét về thu nhập, theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định cả anh Q và chị G đều có công việc và có thu nhập ổn định, cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với chị G. Tuy nhiên về chỗ ở chị G hiện chỗ ở chưa ổn định còn phải thuê chỗ ở, bản thân chị G hiện cũng có những khó khăn về kinh tế cụ thể tại bản án số: 01/2021/DS-ST ngày 14/01/2021 của TAND huyện H tuyên phải trả cho ông Nguyễn Văn Lược và bà Nguyễn Thị Vân tổng số tiền là 217.087.500 đồng đến any chị G vẫn chưa trả được khoản nợ trên, trong thời gian sống ly thân anh Q vẫn thường xuyên sang thăm con chung. Để các cháu có cuộc sống ổn định, được chăm sóc chu đáo. Do vậy, cần giao cháu Khánh cho chị Nguyễn Thị G nuôi dưỡng, giao cháu Quốc Anh cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cả anh Q và chị G đều yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung khi vợ chồng ly hôn là không phù hợp và không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con; trường hợp được nuôi dưỡng một con chung thì chị G không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q và chị G mỗi người nuôi dưỡng một con chung, cả anh Q và chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét G quyết.

[3]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả anh Q và chị G xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét G quyết.

[4]- Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 29/10/2012 cho chị Nguyễn Thị G nuôi dưỡng và giao cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 06/02/2007.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000599 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc G.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- TAND tỉnh Bắc G;
- Các đương sự;
- UBND xã Mai T, huyện H, tỉnh Bắc G;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Ngô Thanh Thuần**